TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2017/DS-ST
Ngày: 03/8/2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bé.
2. Ông Nguyễn Đăng Quang.
- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐXXST-DS ngày 08/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1965.
Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm: 1967.
Bà Hồ Thị H, sinh năm: 1967.
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông C có mặt; Ông Nh, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/4/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào ngày 21/8/2015 (nhằm ngày 08/7/2015 âm lịch) ông có cho vợ chồng ông Nh bà H vay số tiền là 60.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là hết tháng 12 năm 2015 âm lịch. Mục đích vay tiền, bà H ông Nh nói là để cho con gái của ông bà đi Nhật lao động. Việc vay tiền có làm giấy tờ, có ông Trần Văn B chứng kiến. Từ khi vay ông Nh bà H có đóng lãi cho ông khoảng 05 đến 06 tháng nhưng không có làm giấy tờ. Số tiền lãi đã đóng ông không nhớ chính xác nhưng khoảng 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H liên đới trả cho ông số tiền nợ vay là 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Trong bản tự khai ngày 31/5/2017 và các lời khai khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H trình bày:

Ông bà thừa nhận vợ chồng ông bà có vay tiền của ông C như lời ông C đã trình bày về thời gian cho vay, thời gian trả, lãi suất, số tiền lãi đã đóng và mục đích vay tiền. Trước đây vợ chồng ông bà có đóng lãi cho ông Cọt khoảng 05 đến 06 tháng thì ngưng không đóng nữa do không có khả năng, trong đó có một lần ông bà nhờ ông B đưa 5.000.000 đồng tiền lãi cho ông C. Số tiền lãi đã đóng tổng cộng khoảng 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng như ông C đã trình bày. Ông bà cũng thừa nhận hiện tại vợ chồng ông bà còn nợ của ông C số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, ông bà không có yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và không tính lãi tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H cùng là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nh và bà H.

Về nội dung vụ án:

Do có quen biết với nhau nên giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Văn Nh, bà Hồ Thị H có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc vay tài sản. Căn cứ vào "Giấy mượn tiền" đề ngày 21/8/2015 nhằm ngày 08/7/2015 âm lịch do ông Nh và bà H ký tên thì đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn. Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bên đương sự thống nhất với nhau về nội dung hợp đồng như sau:

Vào ngày 21/8/2015 (nhằm ngày 08/7/2015 âm lịch) ông Nguyễn Văn C có cho ông Nguyễn Văn Nh cùng vợ là bà Hồ Thị H vay số tiền là 60.000.000 đồng.

Hình thức hợp đồng: Hai bên có viết giấy tay mượn tiền và có ký tên vào trong giấy tay, có ông Trần Văn B làm chứng. Khi vay tiền, phía bị đơn cho rằng mục đích vay tiền là để cho con đi hợp tác lao động ở nước ngoài. Thời hạn vay là đến hết tháng 12/2015 âm lịch sẽ trả lại vốn, với lãi suất 3%/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Phía bị đơn đã nhận đủ số tiền vay của ông C và đã có đóng lãi. Số tiền lãi phía ông Nh bà H đã đóng cho ông Cọt được hai bên thống nhất là 9.000.000 đồng, sau đó, ông Nhuộm bà Hồng không tiếp tục đóng lãi nữa và cũng không thực hiện việc trả lại số tiền vốn cho ông C. Nhiều lần ông C có yêu cầu ông Nh bà H phải thực hiện đúng theo hợp đồng nhưng đến nay đã quá thời hạn hợp đồng mà ông Nh bà H vẫn không trả lại số tiền vốn cho ông C. Do đó, xét thấy ông Nh bà H đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C nên ông C có yêu cầu ông Nh bà H có trách nhiệm

liên đới trả cho ông C số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp, cần buộc ông Nh bà H có trách nhiệm liên đới trả cho ông C số tiền nợ vay là 60.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của ông Nh bà H về việc đồng ý trả cho ông C số tiền nợ vay là 60.000.000 đồng nhưng ông bà cho rằng hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không thể trả một lần mà ông bà xin trả dần với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ là không phù hợp với quy định của pháp luật và phía ông C cũng không đồng ý nên cần bác yêu cầu xin trả dần của ông Nh và bà H.

Về lãi suất: Ông C không yêu cầu tính lãi, phía bị đơn là ông Nh bà H không có yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận và không xem xét tính lãi suất.

Từ những phân tích trên, buộc ông Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 3.000.000 đồng.

Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn C được chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0006677 ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

3. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H về việc xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn C, nếu ông Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H không chịu trả số tiền như án tuyên thì hàng tháng ông Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Nh và bà Hồ Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006677 ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thế Trang Đền